

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NĂM 2014**

## MỤC LỤC

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	4 - 6
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	7 - 8
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	9 - 10
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	11 - 20

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đệ trình báo cáo này của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

---

ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Hoàng Văn Ty**

**Giám đốc**

Thái Bình, ngày 06 tháng 05 năm 2014.

**ĐƠN VỊ:** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung

**ĐỊA CHỈ:** Cụm công nghiệp Trà Lý - Tây Lương - Tiên Hải - Thái Bình

## BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý I năm 2014

MẪU B 01- DN

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A	B	1	2	3
<b>TÀI SẢN</b>	<b>TS</b>			
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>30,823,578,469</b>	<b>30,157,546,440</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3,534,773,199</b>	<b>773,806,820</b>
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8,604,657,959</b>	<b>11,373,825,179</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	6	8,359,418,759	11,206,904,239
2. Trả trước cho người bán	132		245,239,200	165,000,000
3. Các khoản phải thu khác	133		0	1,920,940
4. Các khoản phải thu nội bộ ngắn hạn	134		0	0
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17,949,319,445</b>	<b>17,574,351,243</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	17,949,319,445	17,574,351,243
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>734,827,866</b>	<b>435,563,198</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		734,827,866	435,563,198
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>22,124,737,255</b>	<b>22,626,017,176</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11,879,028,883</b>	<b>12,294,756,166</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

<b>A. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>8</b>	<b>11,879,028,883</b>	<b>12,294,756,166</b>
1. Nguyên giá	222		15,711,438,943	15,711,438,943
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,832,410,060)	(3,416,682,777)
<b>B. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10,000,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	10,000,000,000	10,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>245,708,372</b>	<b>331,261,010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	245,708,372	331,261,010
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>52,948,315,724</b>	<b>52,783,563,616</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>NV</b>			
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>15,097,793,837</b>	<b>15,145,183,118</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15,097,793,837</b>	<b>15,145,183,118</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả cho người bán	312	11	3,020,344,426	3,769,763,944
3. Người mua trả tiền trước	313	12	10,992,763,166	10,257,663,631
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1,034,390,761	1,082,755,543
5. Chi phí phải trả	316		42,000,000	35,000,000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	317		8,295,484	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>37,850,521,887</b>	<b>37,638,380,498</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	14	<b>37,850,521,887</b>	<b>37,638,380,498</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35,000,000,000	35,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,850,521,887	2,638,380,498
<b>II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>52,948,315,724</b>	<b>52,783,563,616</b>

Lập, ngày 06 tháng 05 năm 2014

**GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Hoàng Văn Ty**

**Vũ Thị Hằng**

ĐƠN VỊ: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung

ĐỊA CHỈ: Cụm công nghiệp Trà Lý - Tây Lương - Tiên Hải - Thái Bình

## BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I.2014

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	4,713,336,295	8,176,174,324	4,713,336,295	8,176,174,324
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4,713,336,295	8,176,174,324	4,713,336,295	8,176,174,324
4. Giá vốn hàng bán	11	17	3,918,888,920	6,792,808,991	3,918,888,920	6,792,808,991
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		794,447,375	1,383,365,333	794,447,375	1,383,365,333
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	503,555	459,337	503,555	459,337
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	19	74,363,665	693,401,154	74,363,665	693,401,154



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	437,732,080	371,109,231	437,732,080	371,109,231
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>282,855,185</b>	<b>319,314,285</b>	<b>282,855,185</b>	<b>319,314,285</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>282,855,185</b>	<b>319,314,285</b>	<b>282,855,185</b>	<b>319,314,285</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	21	70,713,796	79,828,571	70,713,796	79,828,571
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>212,141,389</b>	<b>239,485,714</b>	<b>212,141,389</b>	<b>239,485,714</b>
<b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>			<b>85</b>		<b>85</b>

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Vũ Thị Hằng**

Lập, ngày 06 tháng 05 năm 2014  
**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Văn Ty**

**ĐƠN VỊ:** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung

**ĐỊA CHỈ:** Cụm công nghiệp Trà Lý - Tây Lương - Tiên Hải - Thái Bình

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

**Quý I.2014**

Đơn vị tính: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>282,855,185</b>	<b>398,508,180</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			1,146,901,045
Khấu hao TSCĐ	02	415,727,283	1,140,950,495
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	-	-
Chi phí lãi vay	06	-	5,950,550
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>698,582,468</b>	<b>1,545,409,225</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2,769,167,220	(3,095,802,077)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(374,968,202)	(5,223,542,449)
Tăng, giảm các khoản phải trả( Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(118,103,077)	9,669,021,479
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(213,712,030)	237,841,293
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(5,950,550)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(153,711,904)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2,760,966,379</b>	<b>2,973,265,017</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(4,351,584,877)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đầu tư khác	25	-	(10,000,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	10,000,000,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>(4,351,584,877)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	4,900,000,000
3. Tiền chi trả gốc vay	34	-	(4,900,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2,760,966,379</b>	<b>(1,378,319,860)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>773,806,820</b>	<b>2,152,126,680</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3,534,773,199</b>	<b>773,806,820</b>

**Hoàng Văn Ty**  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 06 tháng 05 năm 2014.

**Vũ Thị Hằng**  
Kế toán trưởng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 30/07/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 30/07/2012 là 35.000.000.000 đồng.

#### Danh sách cổ đông sáng lập

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần( VNĐ)</u>	<u>Tỷ Lệ(%)</u>
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<b><u>Công</u></b>	<b><u>1.745.400</u></b>	<b><u>17.454.000.000</u></b>	<b><u>49,87</u></b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2014 là 37 người (tại 31/12/2013 là 142 người).

#### Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát..., sản xuất đá xây dựng;

▪ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng,...

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

##### **Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2013 và không thấy có khoản phải thu nào cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày

31/03/2014 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

### **Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 – 15
Máy móc thiết bị	11 – 12
Phương tiện vận tải	8 – 10

### **Các khoản trả trước dài hạn.**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền chi mua máy tính, máy in và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. (nếu có và lãi suất tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Cuối kỳ</b> <b><u>VND</u></b>	<b>Đầu kỳ</b> <b><u>VND</u></b>
Tiền mặt	2.360.906.925	770.329.173
Tiền gửi ngân hàng	1.173.866.274	3.615.868
	<b><u>3.534.773.199</u></b>	<b><u>773.945.041</u></b>

## **6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>Cuối kỳ</b> <b><u>VND</u></b>	<b>Đầu kỳ</b> <b><u>VND</u></b>
Công ty cổ phần Đầu tư Trường Giang	703.638.500	3.060.755.500
Công ty TNHH Long triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty cổ phần xây lắp Tây Sơn	232.964.620	232.964.620
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng T & H	-	-
Công ty cổ phần chế biến lâm sản Thái Bình	-	-
Công ty TNHH Thiên An Sơn	888.154.677	394.607.201
Công ty TNHH Xây dựng Trường Tín	821.674.000	821.674.000
Công ty TNHH nguyên liệu gốm sứ Hoàng Anh	1.704.507.068	2.173.568.000
Các đối tượng khác	2.707.379.891	3.222.234.915
	<b><u>8.359.418.759</u></b>	<b><u>11.206.904.239</u></b>

## 7. HÀNG TỒN KHO

	<b>Cuối kỳ</b> <b><u>VNĐ</u></b>	<b>Đầu kỳ</b> <b><u>VNĐ</u></b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.940.312.879	1.632.973.796
Hàng hóa	2.650.066.235	2.582.437.116
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.358.940.331	13.358.940.331
	<b><u>17.949.319.445</u></b>	<b><u>17.574.351.243</u></b>

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b> <b><u>VNĐ</u></b>	<b>Máy móc, thiết bị</b> <b><u>VNĐ</u></b>	<b>Phương tiện vận tải</b> <b><u>VNĐ</u></b>	<b>Tổng cộng</b> <b><u>VNĐ</u></b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>7.454.066.769</b>	<b>2.876.147.186</b>	<b>5.381.224.988</b>	<b>15.711.438.943</b>
Mua trong năm	-	-	-	-
Ghi tăng do XD CB	-	-	-	-
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2014</b>	<b>7.454.066.769</b>	<b>2.876.147.186</b>	<b>5.381.224.988</b>	<b>15.711.438.943</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>959.352.304</b>	<b>1.060.078.609</b>	<b>1.397.251.864</b>	<b>3.416.682.777</b>
Khấu hao trong kỳ	199.687.830	64.527.209	151.521.243	415.727.283
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2014</b>	<b>1.159.040.134</b>	<b>1.124.605.818</b>	<b>1.548.773.107</b>	<b>3.832.410.060</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b><u>6.494.714.465</u></b>	<b><u>1.816.068.577</u></b>	<b><u>3.983.973.124</u></b>	<b><u>12.294.756.166</u></b>
<b>Tại ngày 31/03/2014</b>	<b><u>6.295.026.635</u></b>	<b><u>1.751.541.368</u></b>	<b><u>3.832.451.881</u></b>	<b><u>11.879.028.883</u></b>

## 9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<b><u>31/03/2014</u></b>
	<b><u>VND</u></b>
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (*)	10.000.000.000
	<b><u>10.000.000.000</u></b>

Ghi chú: (\*) Theo Quyết định Đại hội đồng quản trị số 156 và 157/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 và Biên bản hội đồng quản trị số 1021/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiến Trung quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình với số vốn góp là 10.000.000.000 đồng, chiếm 100% tổng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình.

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian đầu tư xây dựng dự án dự kiến từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014.

## 10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<b><u>Cuối kỳ</u></b> <b><u>VND</u></b>	<b><u>Đầu kỳ</u></b> <b><u>VND</u></b>
Công ty cổ phần thương mại tổng hợp Việt Hà	780.435.000	-
Công ty TNHH thương mại Hà Căn	440.002.250	-
Công ty TNHH Hùng Linh	-	230.198.684
Công ty TNHH Hiền Anh	148.106.000	148.106.000
Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Nhân Hậu	405.250.000	405.250.000
Công ty TNHH Đức Thanh	-	215.413.000
Công ty TNHH VLXD 668 Ninh Cường	-	807.840.000
Khác	1.348.727.796	2.065.133.063
	<b><u>3.122.521.226</u></b>	<b><u>3.871.940.744</u></b>

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<b><u>Cuối kỳ</u></b> <b><u>VND</u></b>	<b><u>Đầu kỳ</u></b> <b><u>VND</u></b>
Thuế giá trị gia tăng	626.843.246	759.221.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.330.674	378.904.974
Thuế TNCN	4.576.841	4.576.841
	<b><u>1.034.390.761</u></b>	<b><u>1.129.043.639</u></b>

### 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư ngày 01/01/2014	<u>35.000.000.000</u>	<u>2.638.380.498</u>	<u>37.638.380.498</u>
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
- Lãi kinh doanh	-	212.141.389	212.141.389
- Tăng khác	-	-	-
Số dư ngày 31/03/2014	<u>35.000.000.000</u>	<u>2.850.521.887</u>	<u>37.850.521.887</u>
Vốn điều lệ		Vốn đã góp tại	Vốn đã góp tại
		Cuối kỳ	Đầu kỳ
	<u>Tỉ lệ %</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoàng Văn Ty	18,7%	6.554.000.000	14.700.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	14,3%	5.000.000.000	11.550.000.000
Nguyễn Thị Mên	7,9%	2.750.000.000	5.600.000.000
Đặng Ngọc Thông	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	50,1%	17.456.000.000	-
	<u>100%</u>	<u>35.000.000.000</u>	<u>35.000.000.000</u>

### 14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I/2014	Quý I/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	626.655.577	2.798.513.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.086.680.718	5.377.661.142
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	<u>4.713.336.295</u>	<u>8.176.174.324</u>

### 15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I/2014	Quý I/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	435.580.881	1.902.988.964
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.483.308.039	4.889.820.027
	<u>3.918.888.920</u>	<u>6.792.808.991</u>

## 16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2014	Quý I/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	503.555	459.337
	<u>503.555</u>	<u>459.337</u>

## 17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý I/2014	Quý I/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	282.855.185	319.314.285
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>282.855.185</b>	<b>319.314.285</b>
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	70.713.796	79.828.571
<b>Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>212.141.389</b>	<b>239.485.714</b>

## 18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý I/2014 của Công ty.

## 19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Hoàng Văn Ty  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 06 tháng 05 năm 2014.

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng